

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH**ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ -
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước
năm 2003;*

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005;

*Căn cứ Luật dầu khí năm 1993 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật dầu khí năm 2000;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
chính,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng từ năm tài chính 2007 cho Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Các quy định trước đây về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 142/2007NĐ-CP

ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; việc quản lý vốn của Công ty mẹ đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khác thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

2. Công ty mẹ có trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là tổ hợp đa sở hữu, trong đó nhà nước sở hữu chi phối về vốn, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, liên kết và chi phối lẫn nhau bằng đầu tư, góp vốn, bí quyết công nghệ và thị trường.

2. “Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

3. “Tiền lãi dầu khí nước chủ nhà” là phần lợi nhuận sau khi nộp các loại thuế được chia cho nước chủ nhà từ các hợp đồng dầu khí.

4. “Tiền lãi dầu khí được chia của nhà thầu” là phần lợi nhuận sau thuế được chia cho nhà thầu từ các hợp đồng dầu khí.

5. “Chi phí thu hồi dầu khí” là các khoản chi phí mà Công ty mẹ hoặc các đơn vị thành viên được phép thu hồi tại các hợp đồng dầu khí để bù đắp chi phí sản xuất.

6. “Tiền hoa hồng chữ ký” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà khi ký hợp đồng dầu, khí.

7. “Tiền hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí” là khoản tiền mà nhà thầu

phải trả cho nước chủ nhà sau khi kết quả thăm lượng cho thấy mỏ có giá trị thương mại và nhà thầu tuyên bố phát hiện thương mại.

8. “Tiền hoa hồng sản xuất” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà tương ứng với từng mức sản lượng khai thác được quy định cụ thể tại Hợp đồng dầu khí.

9. “Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí” là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Công ty mẹ để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu khí có sẵn.

10. “Cam kết nghĩa vụ đào tạo” là khoản tiền cam kết của nhà thầu được quy định trong Hợp đồng dầu khí nhằm mục đích đào tạo cán bộ, công nhân viên dầu khí.

11. “Tiền đền bù không thực hiện các cam kết tối thiểu” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà trong trường hợp nhà thầu chấm dứt hợp đồng dầu khí khi chưa thực hiện hết các cam kết tối thiểu quy định trong hợp đồng.

12. “Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí” là một trong những quỹ tài chính của Công ty mẹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, một phần lãi dầu khí nước chủ nhà để bảo đảm nguồn kinh phí cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và thăm lượng dầu khí.

13. “Nước chủ nhà” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

14. “Nhà thầu” là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở Hợp đồng dầu khí.

Chương II

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY MẸ

Điều 3. Vốn của Công ty mẹ

1. Vốn của Công ty mẹ bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ, vốn do Công ty mẹ tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ gồm vốn nhà nước do Công ty mẹ trực tiếp quản lý, sử dụng, vốn nhà nước Công ty mẹ đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác.

Điều 4. Vốn điều lệ của Công ty mẹ

1. Vốn điều lệ của Công ty mẹ là vốn nhà nước của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2006 là 76.177.961 triệu đồng (bảy sáu

ngàn, một trăm bảy bảy tỷ, chín trăm sáu một triệu đồng).

2. Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty mẹ sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính. Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty mẹ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

3. Đại diện chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư tại Công ty mẹ khi tổ chức lại Công ty mẹ hoặc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty mẹ. Việc rút vốn chỉ được thực hiện nếu vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ.

4. Trường hợp Công ty mẹ được Nhà nước giao nhiệm vụ đặc biệt thì phải tập trung vốn và các nguồn lực khác để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty mẹ quản lý

1. Công ty mẹ được quyền chủ động sử dụng số vốn nhà nước giao, các loại vốn khác, các quỹ do Công ty mẹ quản lý vào hoạt động kinh doanh; chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng

vốn; đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty mẹ như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. Trường hợp Công ty mẹ tạm thời sử dụng tiền nhàn rỗi các quỹ thuộc phạm vi quản lý vào kinh doanh thì phải đảm bảo đủ nguồn chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trực tiếp quản lý toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Xí nghiệp liên doanh Vietsovptro theo pháp luật Việt Nam và Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 16 tháng 7 năm 1991. Công ty mẹ có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được giao và phải theo dõi thành mục riêng trên bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ.

4. Công ty mẹ có trách nhiệm bảo toàn vốn nhà nước tại công ty bằng các biện pháp quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác do Chính phủ ban hành.

Điều 6. Huy động vốn

1. Công ty mẹ được huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái

phiếu, tín phiếu công ty; vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty mẹ.

3. Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài.

4. Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị Công ty mẹ quyết định hợp đồng vay vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Công ty mẹ. Hội đồng quản trị thông qua phương án vay, bảo lãnh khoản vay của các công ty con và phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn, bảo lãnh vốn vay;

b) Các hợp đồng vay vốn khác có giá trị bằng hoặc thấp hơn vốn điều lệ do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 7. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ

1. Công ty mẹ được quyền sử dụng

vốn, tài sản thuộc quyền quản lý để đầu tư ra ngoài Công ty mẹ. Việc đầu tư ra ngoài Công ty mẹ liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Việc đầu tư ra ngoài Công ty mẹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty mẹ.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty mẹ:

a) Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, công ty liên kết; góp vốn vào các Hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

c) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh;

d) Mua lại một công ty khác;

đ) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài Công ty mẹ:

Hội đồng quản trị quyết định:

a) Sử dụng vốn của Công ty mẹ để đầu tư thành lập mới công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do Công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ;

b) Thành lập công ty con mới hoặc công ty liên kết trong nước và ngoài nước dưới các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài với mức cổ phần, vốn góp của Công ty mẹ vào mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ (nếu sử dụng vốn của Nhà nước thì phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận);

c) Đầu tư các dự án khác: với mức vốn đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

d) Phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty mẹ.

4. Công ty mẹ không được đầu tư hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành của Công ty mẹ là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng doanh nghiệp đó.

Điều 8. Quản lý các khoản nợ phải trả

1. Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty mẹ có trách nhiệm:

a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;

b) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;

c) Trường hợp phát sinh nợ quá hạn phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty mẹ phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của sổ dư

nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY MẸ

Điều 9. Tài sản của Công ty mẹ

1. Tài sản của Công ty mẹ được hình thành từ vốn nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty mẹ trực tiếp quản lý và sử dụng. Tài sản của Công ty mẹ bao gồm:

a) Tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác và tài sản ngắn hạn của văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp;

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm: vốn Công ty mẹ đầu tư vào Tổng công ty, công ty trách nhiệm hữu

hạn nhà nước một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu; vốn góp trong các công ty cổ phần, công ty liên doanh và các doanh nghiệp khác; vốn góp trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh; các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác;

2. Tài sản của Công ty mẹ không bao gồm tài sản của Tổng công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn do Công ty mẹ là chủ sở hữu, tài sản của công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Công ty mẹ.

Điều 10. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty mẹ bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình, tài sản cố định thuê tài chính, chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Hội đồng quản trị Công ty mẹ quyết định các dự án đầu tư có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển 5 năm của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phân cấp cho Tổng giám đốc Công ty mẹ, người đại diện phần vốn của Công ty mẹ ở các

doanh nghiệp khác quyết định đầu tư các dự án trong kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty mẹ phê duyệt;

b) Đối với các dự án chưa có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển được phê duyệt, Hội đồng quản trị quyết định các dự án có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ và theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

4. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty mẹ đều phải trích khấu hao theo chế độ tài chính hiện hành đối với công ty nhà nước.

Điều 11. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty mẹ được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty mẹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản, sử dụng tài sản của Công ty mẹ mang đi thế chấp,

cầm cố để vay vốn có giá trị lớn hơn mức vốn Điều lệ của Công ty mẹ. Các hợp đồng có mức bằng hoặc thấp hơn vốn điều lệ của Công ty mẹ do Tổng giám đốc quyết định.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1. Công ty mẹ được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn:

a) Hội đồng quản trị quyết định phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định có giá trị còn lại đến 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ và theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị được ủy quyền hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng quản trị, do Thủ tướng chính phủ quyết định.

3. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty mẹ tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Việc nhượng bán được thực hiện dưới hình thức đấu giá hoặc thỏa thuận. Trường hợp bán theo hình thức thỏa thuận thì giá bán phải phù hợp với giá thị trường.

Điều 13. Quản lý hàng hóa tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty mẹ có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty mẹ phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 14. Quản lý các khoản nợ phải thu

Trách nhiệm của Công ty mẹ trong quản lý nợ phải thu là:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ.

3. Công ty mẹ được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận.

4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty mẹ

phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tài chính hiện hành.

Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu, thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty mẹ.

Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Công ty mẹ vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty mẹ.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm như báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tập đoàn. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Nhà nước thì phải chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật.

Điều 15. Kiểm kê tài sản

Công ty mẹ phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty mẹ; hoặc theo chủ trương của Nhà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 16. Xử lý tổn thất tài sản

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty mẹ phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty mẹ. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

4. Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty mẹ không thể tự khắc phục được thì Hội đồng quản trị lập phương án xử lý tổn thất gửi Bộ Tài chính và trình Thủ tướng chính phủ quyết định.

5. Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

Điều 17. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty mẹ thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- a) Theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu;
- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty mẹ.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Mục 3

CHẾ ĐỘ THU CHI TÀI CHÍNH

Điều 18. Các khoản thu của Nhà nước

1. Các khoản thuế và thu ngân sách phải nộp theo quy định của pháp luật.
2. Thu về khí đồng hành mỏ Bạch Hổ và các loại khí đồng hành khác thuộc sở hữu nhà nước theo giá do Nhà nước quy định.

Bộ Tài chính quyết định cụ thể về giá khí đồng hành theo quy định về quản lý giá hiện hành. Đối với các loại khí đồng hành thuộc sở hữu của các nhà thầu do các bên liên quan quyết định phù hợp với giá thị trường.

3. Công ty mẹ, các đơn vị khai thác hoặc nhà thầu Việt Nam được ủy quyền thực hiện kê khai, nộp trực tiếp vào ngân sách nhà nước khi phát sinh thực tế các khoản sau đây:

a) 50% tiền lãi dầu nước chủ nhà được chia từ Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;

b) 50% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm sau khi đã trừ 1,5% để Công ty mẹ bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí;

c) Toàn bộ tiền thu về hoa hồng dầu khí các loại (hoa hồng chữ ký, hoa hồng phát hiện, hoa hồng sản xuất...);

d) 30% tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu khí.

4. Nộp tập trung về Công ty mẹ các khoản sau đây:

a) 50% còn lại tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà sau khi đã nộp ngân sách nhà nước quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều này;

b) 70% tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu khí;

Số tiền quy định tại điểm a, b khoản này được để lại cho Công ty mẹ để đầu tư và được phản ánh thu, chi qua ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện nộp và quyết toán các khoản thu quy định tại Điều này.

Điều 19. Quản lý, sử dụng các khoản tiền nhà nước để lại đầu tư cho Công ty mẹ

1. Định kỳ hàng quý, Công ty mẹ tổng hợp số đã nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 18 và số đã thu về Công ty mẹ quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy chế này, báo cáo bằng văn bản về Bộ Tài chính trước ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo để Bộ Tài chính phản ánh thu, chi qua ngân sách nhà nước chậm nhất sau 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo số tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy chế này.

2. Số tiền Nhà nước để lại đầu tư cho Công ty mẹ quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy chế này, Công ty mẹ dùng để đầu tư vào các dự án trọng điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bổ sung một phần vào Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí. Mức bổ sung vào Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí không vượt quá 10% số tiền nhà nước để lại hàng năm cho Công ty mẹ.

3. Hội đồng quản trị Công ty mẹ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng quy định, đảm bảo hiệu quả nguồn vốn này.

4. Kết thúc năm, Công ty mẹ có trách nhiệm quyết toán nguồn vốn này với Bộ Tài chính.

Điều 20. Doanh thu của Công ty mẹ

Doanh thu của Công ty mẹ bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác do văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện.

1. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ, gồm cả 1,5% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà của các Hợp đồng dầu khí để Công ty mẹ bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí.

2. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

a) Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền; cho các bên khác sử dụng tài sản của Công ty mẹ; tiền lãi từ việc cho vay vốn; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp;

b) Lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

c) Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; cổ tức, lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư ra ngoài Công ty mẹ;

d) Tiền lãi dầu khí sau thuế Công ty mẹ được chia với tư cách nhà thầu;

đ) Tiền dầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng dầu khí;

e) Các khoản thu khác từ Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro và các Hợp đồng dầu khí.

3. Thu nhập khác gồm:

a) Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;

b) Thu tiền bảo hiểm được bồi thường; các khoản nợ phải trả nay mất chủ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

c) Khoản tiền đền bù không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của Nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí;

d) Các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập.

Điều 21. Chi phí, quản lý chi phí của Công ty mẹ

1. Chi phí của Công ty mẹ bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí khác của văn phòng Công ty mẹ, đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Công ty mẹ.

a) Chi phí sản xuất kinh doanh:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của chế độ tài chính hiện hành đối với công ty nhà nước;

- Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng quản trị quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty mẹ phải nộp theo quy định;

- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh;

- Chi phí bằng tiền khác gồm:

+ Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;

+ Tiền thuê đất;

+ Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

+ Chi cho công tác y tế;

+ Thường sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

+ Chi phí cho lao động nữ;

+ Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

+ Chi phí ăn ca cho người lao động;

+ Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

+ Các khoản chi phí bằng tiền khác.

- Các khoản chi cho việc quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí mà nhà nước giao cho Công ty mẹ thực hiện;

- Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định;

- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc, trích lập theo quy định của chế độ tài chính hiện hành, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

b) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:

- Các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài công ty;

- Tiền lãi phải trả do huy động vốn;

- Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán;

- Chi phí cho thuê tài sản;

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

c) Chi phí khác, bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

- Chi phí để thu tiền phạt;

- Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

- Các chi phí khác.

2. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng;

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.

3. Quản lý chi phí của Công ty mẹ: việc quản lý chi phí của Công ty mẹ thực hiện theo chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước đối với công ty nhà nước và các quy định sau đây:

a) Tổng giám đốc Công ty mẹ xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng quản trị phê duyệt để làm căn cứ điều hành sản xuất và quản lý chi phí của Công ty mẹ;

b) Công ty mẹ phải xây dựng định mức lao động, trên cơ sở định mức lao động đã xây dựng và chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, Công ty mẹ xây dựng đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm và hoạt động dịch vụ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 4

LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 22. Lợi nhuận của Công ty mẹ

Lợi nhuận của Công ty mẹ gồm lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư vốn của Công ty mẹ, lợi nhuận khác của văn phòng Công ty mẹ và đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ.

1. Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận các hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ các hoạt động khác với chi phí của hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 23. Phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ sau khi trừ các khoản để lại đầu tư vốn cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (nếu có) mà Công ty mẹ là chủ sở hữu được phân phối như sau:

1. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa.

2. Trích 10% lập Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí; khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa.

3. Trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 35%.

4. Trích lập Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty mẹ. Mức trích một năm không vượt quá 1000 triệu đồng.

Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo chế độ tài chính hiện hành, nếu còn dư thì chuyển vào quỹ đầu tư phát triển.

Điều 24. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ và khoản được Nhà nước đầu tư trở lại quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy chế này.

Quỹ đầu tư phát triển sử dụng để: đầu tư cho các dự án trọng điểm về dầu khí; đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty mẹ; góp vốn với các Nhà thầu dầu khí theo các hợp đồng dầu khí và liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; đầu tư, góp vốn vào các đơn vị thành viên; đầu tư ra bên ngoài; bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.

Việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển phải thực hiện theo quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng, Điều lệ hoạt động của Công ty mẹ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, sử dụng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp các khoản lỗ của Công ty mẹ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Việc sử dụng quỹ dự phòng phải tuân thủ theo quy định của Nhà nước, Điều lệ hoạt động của Công ty mẹ.

3. Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, một phần bổ sung từ tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được nhà nước đầu tư trở lại cho Công ty mẹ quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này. Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí sử dụng để thực hiện các hoạt động tìm kiếm, thăm dò (trong nước và nước ngoài) thăm lượng dầu khí; bù đắp, trang trải các rủi ro trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò và thăm lượng dầu khí.

Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí của Công ty mẹ.

4. Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty mẹ được hình thành từ nguồn thu “cam kết nghĩa vụ đào tạo” trong các Hợp đồng dầu khí. Quỹ được sử dụng để duy trì, phát triển sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên dầu khí. Mức dư quỹ hàng năm không vượt quá 1% vốn điều lệ, vượt mức đó kết chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển. Trường hợp với mức dư quỹ 1% vốn điều lệ mà không đủ để trang trải cho nhu cầu đào tạo thì Hội đồng quản trị báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty mẹ.

5. Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ; Quỹ sử dụng để thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên, thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty mẹ; thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty mẹ có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty mẹ.

6. Quỹ phúc lợi tập trung được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ dùng để đầu tư hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty mẹ; chi cho hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty mẹ, phúc lợi xã hội; giúp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty mẹ hoặc các đơn vị khác theo hợp đồng; ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý

kiến của Công đoàn trên cơ sở kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

7. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ; quỹ dùng để thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty mẹ. Mức thưởng do Hội đồng quản trị quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo đúng quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Mục 5

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN

Điều 25. Kế hoạch tài chính

Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Hội đồng quản trị thông qua. Hàng quý và cuối năm, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính.

Điều 26. Báo cáo tài chính

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) Công ty mẹ phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2. Ngoài các báo cáo gửi theo quy định chung, Công ty mẹ còn phải lập và gửi các báo cáo: báo cáo về khai thác, tiêu thụ và thu nộp về dầu khí có chi tiết theo từng mỏ và từng loại thu; Báo cáo tình hình cấp vốn và thực hiện đầu tư các dự án đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển, trong đó các công trình dầu khí trong điểm; báo cáo về tình hình trích và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

3. Công ty mẹ phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Công ty mẹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính kế toán của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

5. Công ty mẹ thực hiện việc công bố công khai tình hình tài chính của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật. Trường hợp cần thiết để phục vụ việc huy động vốn đầu tư ra ngoài Công ty mẹ (kể cả

đầu tư ra nước ngoài), Công ty mẹ được phép cung cấp các báo cáo tài chính cho các ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tác khác của Công ty mẹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Mục 6

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 27. Quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty mẹ, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty mẹ.

2. Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn nhà nước giao. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ, đảm bảo thực hiện mục tiêu nhà nước giao cho Công ty mẹ. Đề nghị với Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty mẹ.

3. Trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, hợp đồng

nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng quản trị; quyết định tỷ lệ trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng cho Ban quản lý điều hành; quyết định phương án huy động vốn dẫn đến thay đổi sở hữu Công ty mẹ.

4. Ngoài thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12 và các điều khác của Quy chế này, Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây:

a) Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty mẹ; tỷ lệ trích các quỹ theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Hội đồng quản trị là chủ sở hữu;

b) Ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài chính Công ty mẹ, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, các định mức chi phí tài chính và các định mức khác;

c) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của Công ty mẹ;

d) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

5. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty mẹ, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ;

thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định.

6. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, Giám đốc, các đơn vị thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu nhà nước giao cho công ty theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện quy chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thành viên theo quy định của Nhà nước.

8. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty mẹ;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty mẹ cho bất kỳ đối tượng nào;

c) Hàng năm phải báo cáo kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty mẹ cho đại diện chủ sở hữu, kết quả xếp

hạng của công ty thành viên do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm điều lệ Công ty mẹ, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty mẹ thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Điều lệ Công ty mẹ. Thủ tướng Chính phủ quyết định mức bồi thường.

3. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty mẹ từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty mẹ;

b) Để Công ty mẹ thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hòa vốn, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp

nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ;

c) Không ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác; không đôn đốc Tổng giám đốc, Giám đốc công ty phổ biến và tổ chức thực hiện các định mức đã ban hành; không tổ chức đánh giá, điều chỉnh các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý;

d) Trường hợp Công ty mẹ lâm vào tình trạng phá sản mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản, Công ty mẹ thuộc diện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm.

4. Trường hợp đề Công ty mẹ thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước năm sau thấp hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận do đại diện chủ sở hữu giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng.

5. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật

tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty mẹ

1. Là đại diện pháp nhân của Công ty mẹ, có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị quy định. Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn Điều lệ của Công ty mẹ.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước có tại Công ty mẹ.

3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng quản trị. Trình Hội đồng quản trị phê

duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.

4. Xây dựng đề trình Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty mẹ làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

5. Xác định tỷ lệ trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty mẹ, báo cáo Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 30. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty mẹ.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

3. Khi Công ty mẹ không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho các chủ nợ

biết và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty; không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty mẹ, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty mẹ và Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty mẹ. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty mẹ.

6. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty mẹ; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty mẹ.

7. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

8. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty mẹ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty mẹ;

b) Để Công ty mẹ thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hòa vốn; trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi đã xác định có lỗ;

c) Công ty mẹ lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản; Công ty mẹ thuộc diện tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu;

d) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm, tuyên dụng giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng;

đ) Không tổ chức xác định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác để trình Hội đồng quản trị ban hành; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý.

9. Trường hợp để Công ty mẹ thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước năm sau giảm hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận theo quy định của hợp đồng hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng.

10. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, kéo dài dẫn đến chậm thu hồi vốn, không thu hồi được vốn, không trả được nợ.

11. Hàng năm Tổng giám đốc phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty mẹ gửi Hội đồng quản trị.

12. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 31. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty mẹ là chủ sở hữu đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ thành lập mới hoặc được chuyển đổi từ các công ty thành viên của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. Công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp, có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty mẹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ, Điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 32. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc thì tùy theo mức độ tổ chức hạch toán kinh tế của đơn vị và phân cấp của Công ty mẹ, Công ty mẹ quy định quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của đơn vị đó trong lĩnh vực hoạt động tài chính cho phù hợp.

Điều 33. Các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng quản trị phê duyệt, trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế, thực hiện hạch toán chi phí, lấy thu bù chi, được tạo nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo, thực hiện dịch vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo cho các đơn vị trong và ngoài nước, được trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo chế độ.

Điều 34. Đối với các Công ty cổ phần

Công ty mẹ thực hiện mọi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần.

Điều 35. Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro và các liên doanh khác

Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro hoạt động tài chính và hạch toán kinh tế độc lập theo các quy định của pháp luật,

Hiệp định liên Chính phủ, Điều lệ Xí nghiệp liên doanh và các Nghị quyết của Hội đồng Xí nghiệp liên doanh mà Công ty mẹ là một phía tham gia.

Các liên doanh khác, Công ty mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên liên doanh, bên góp vốn theo quy định của pháp luật và theo hợp đồng đã ký kết.

Chương IV

QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY MẸ ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công ty mẹ có các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Đối với các doanh nghiệp khác, Công ty mẹ có các quyền sau:

a) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

b) Cử người đại diện để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh;

c) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phân vốn Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là người đại diện) quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện, trừ trường hợp người đại diện đó được hưởng lương từ doanh nghiệp khác;

d) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác;

đ) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công ty trong doanh nghiệp khác. Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty mẹ thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Công ty mẹ;

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời;

g) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

h) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty mẹ đầu tư;

i) Giám sát việc thu hồi vốn cho người lao động vay để mua cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thu hồi cổ phần cấp cho người lao động để hưởng cổ tức khi người lao động chết mà không có người thừa kế hoặc người lao động tự nguyện trả lại cổ phần bán chịu cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp.

k) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên

doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của đại diện chủ sở hữu, nhất là trong trường hợp là cổ đông, bên góp vốn chi phối.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của đại diện chủ sở hữu về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của đại diện chủ sở hữu giao.

4. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác gồm: vốn cho người lao động vay để mua cổ phần, bán chịu cổ phần cho người lao động, chia cổ phần cho người lao động để hưởng cổ tức, chuyển nhượng cổ phần của Nhà nước, thu cổ tức và các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác.

5. Người đại diện tham gia Ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận

trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức... người đại diện phải xin ý kiến của đại diện chủ sở hữu vốn trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi phát biểu và biểu quyết.

6. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty mẹ phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của Công ty mẹ. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Công ty mẹ phải báo cáo ngay đại diện chủ sở hữu vốn và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được đại diện chủ sở hữu vốn thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và đại diện chủ sở hữu vốn giao.

8. Chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu vốn về các nhiệm vụ được giao.

Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty mẹ; thu lợi nhuận từ việc đầu tư này; cử người quản lý trực tiếp quản lý phần vốn tại các doanh nghiệp khác.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Điều 39. Đối với Chính phủ

Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ban hành Nghị định về Quy chế tài chính của Công ty mẹ, giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện một

số quyền của chủ sở hữu về lĩnh vực tài chính.

Điều 40. Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt các dự án đầu tư của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các dự án đầu tư ra ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo thẩm quyền.

3. Quyết định việc đầu tư trở lại tiền lãi dầu, khí sau thuế được chia của nước chủ nhà cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đầu tư phát triển ngành dầu khí và bổ sung Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

4. Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán và xử lý tổn thất tài sản vượt thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 41. Bộ Tài chính

1. Thực hiện việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh tăng giảm vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty mẹ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế trích lập và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

4. Hướng dẫn việc thực hiện nộp và quyết toán các khoản thu quy định tại Điều 18 Quy chế này.

5. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, thực hiện Nghị định về Quy chế tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 42. Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Công ty mẹ và là đại diện chủ sở hữu đối với công ty do mình đầu tư toàn bộ vốn điều lệ. Ngoài quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 27 Quy chế này, Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định:

1. Phê duyệt đề án góp vốn của công

ty thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ để thành lập mới các công ty cổ phần nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngoài ngành, lĩnh vực, địa bàn quy định tại Điều 6 của Luật doanh nghiệp nhà nước.

2. Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam căn cứ vào Quy chế này chỉ đạo Công ty mẹ thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, thì phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu tổng hợp trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng